

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-03-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã Kiến Quốc, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 1, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI D V U Á N:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Đào Văn P từ tháng 9 năm 1995, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, trầm

trọng nhất từ tháng 11 năm 2004, do anh P ham chơi bài bạc, thường xuyên uống rượu, lười lao động, từ đó anh chị xảy ra cãi chửi nhau, anh P đánh chị nhiều lần, chị đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2005 không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đào Thị D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996, hiện nay cháu đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời trình bày và yêu cầu của chị M; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh P nhưng anh P không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên toàn bộ nội D, yêu cầu nêu trên. Ngoài ra chị trình bày về con chung của anh chị là cháu Đào Thị D, nay cháu đã xây dựng gia đình riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị M và anh Đào Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có 01 con là Đào Thị D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996, hiện nay cháu đã thành niên, xây dựng gia đình riêng; chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Phạm Văn P; anh P cư trú tại Thôn 1, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Đào Văn P (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

- *Về nội D:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M xin ly hôn anh Phạm Văn P; căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã D cung cấp thì chị Phạm Thị M và anh Đào Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị M xin ly hôn anh P; căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b Mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị M và anh Đào Văn P là vợ chồng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Đào Thị D, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996, hiện nay cháu đã xây dựng gia đình ở riêng; chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị M không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị M và anh Đào Văn P là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001623 ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đào Văn P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Vũ Thị Diệu**

